



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư - Thương mại - Thủy Sản

Ngày 31/12/2025	3,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-9.1%	-	15.4%

DT thuần Q4/25
10.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.10 -0.5%
YoY: ▼59.3 -84.9%

LN thuần Q4/25
-1.36
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.04 -300%
YoY: ▼7.07 -124%

LN sau thuế Q4/25
-1.48
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.16 -318%
YoY: ▼6.98 -127%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
-2.2%
YoY: +/- ▼ 5.2%

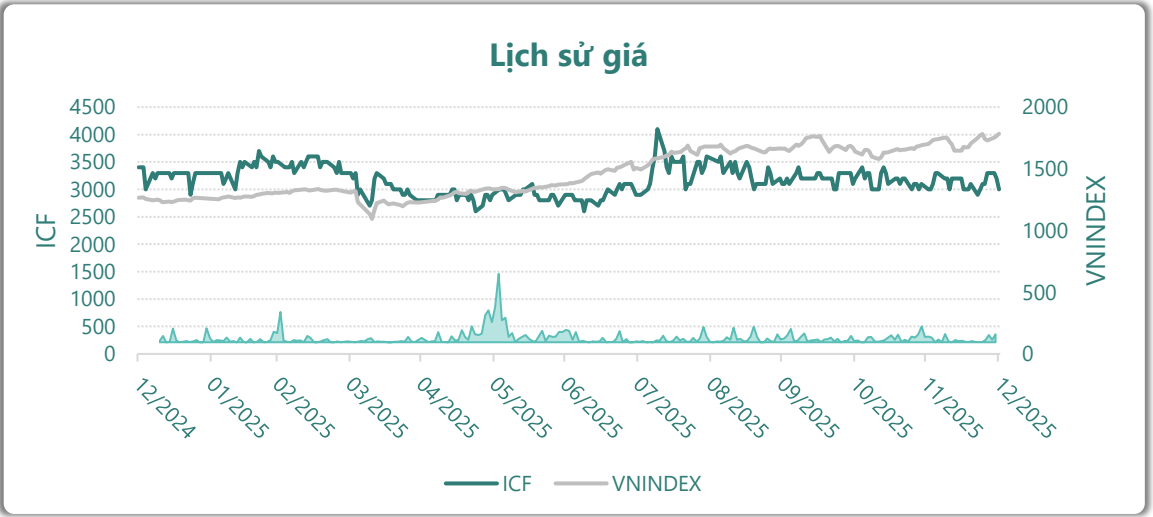
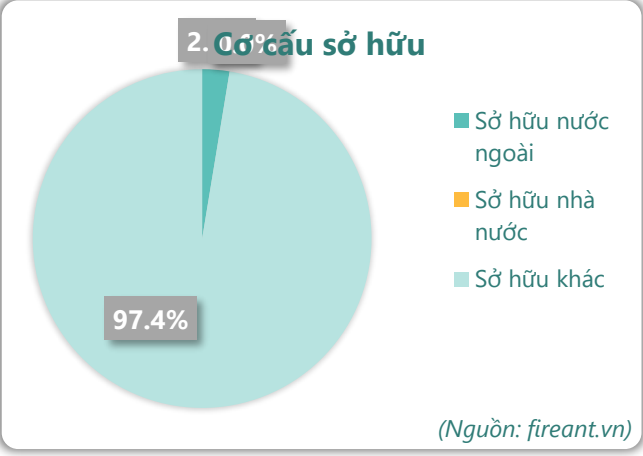
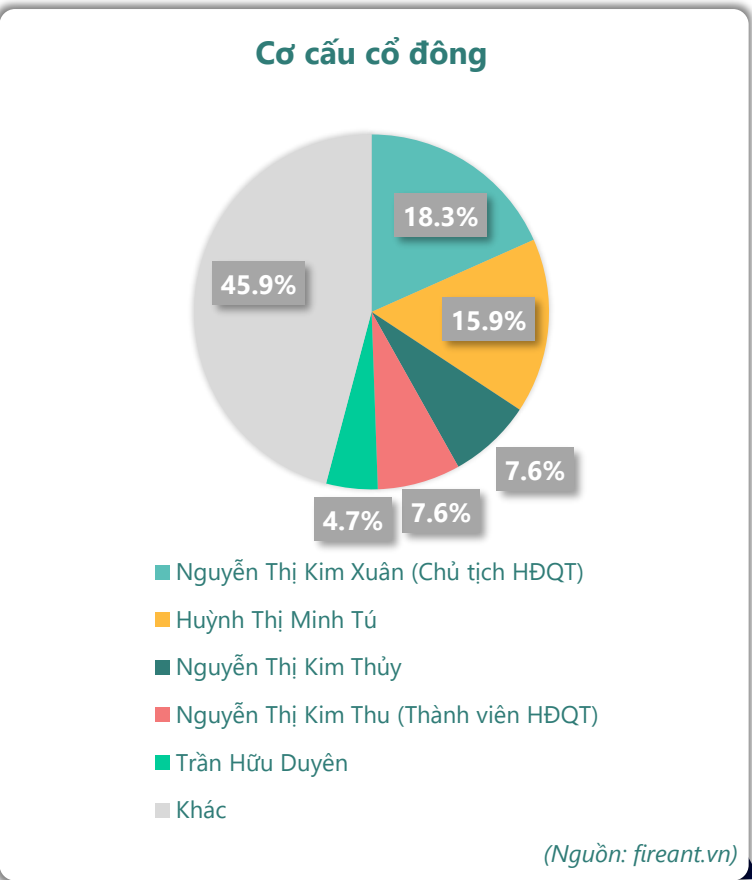
ROE 2025
-2.9%
YoY: +/- ▼ 3.2%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	2,600 - 4,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	38
Số lượng CPLH (CP)	12,807,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,330
Sở hữu nước ngoài	2.6%
Beta	0.44
EPS	-188
P/E	-16.0

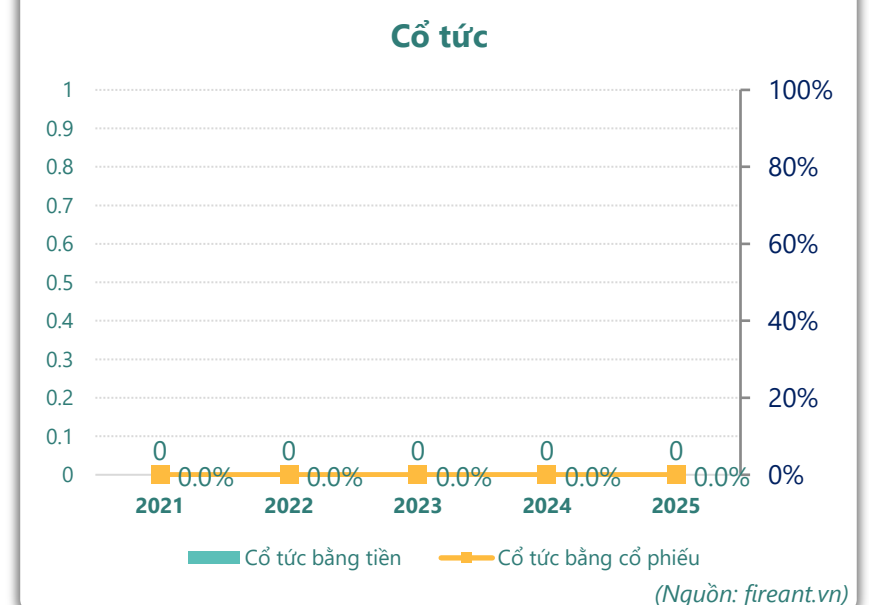
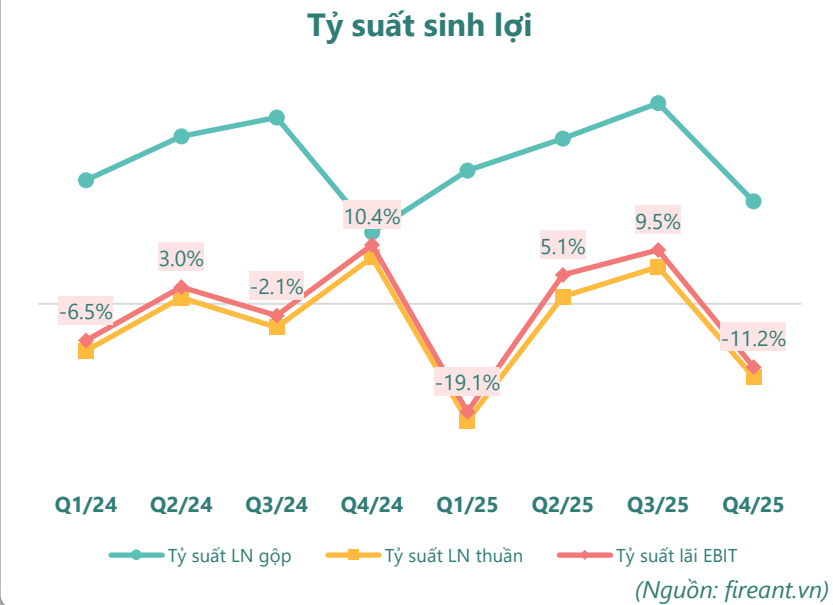
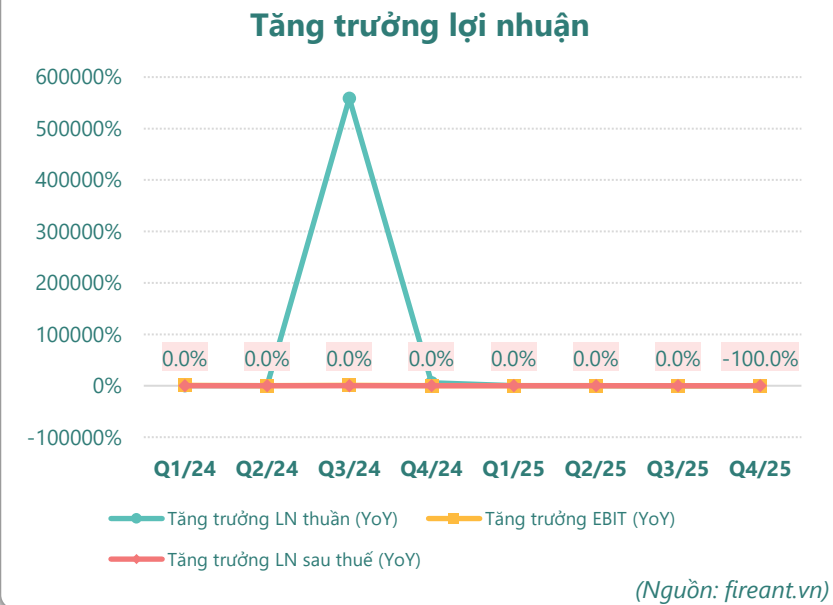
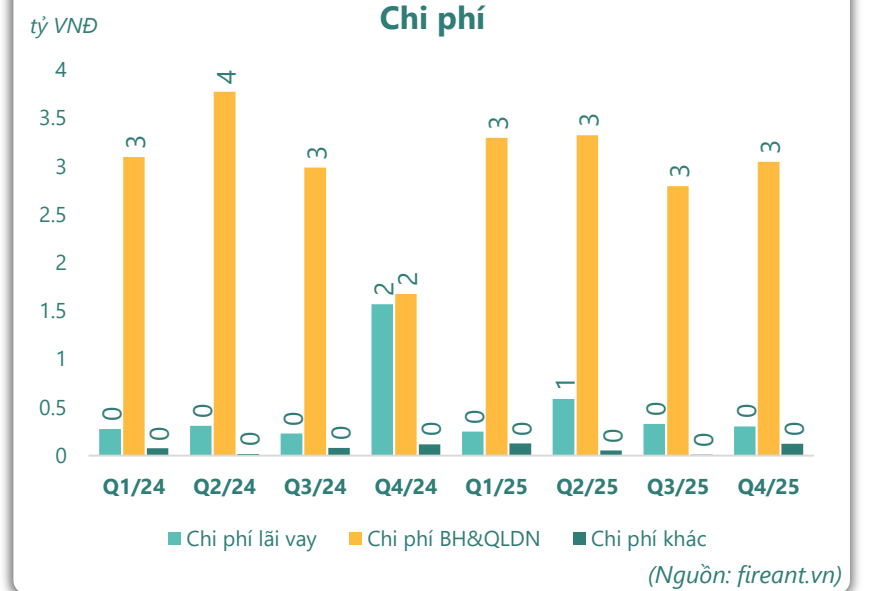
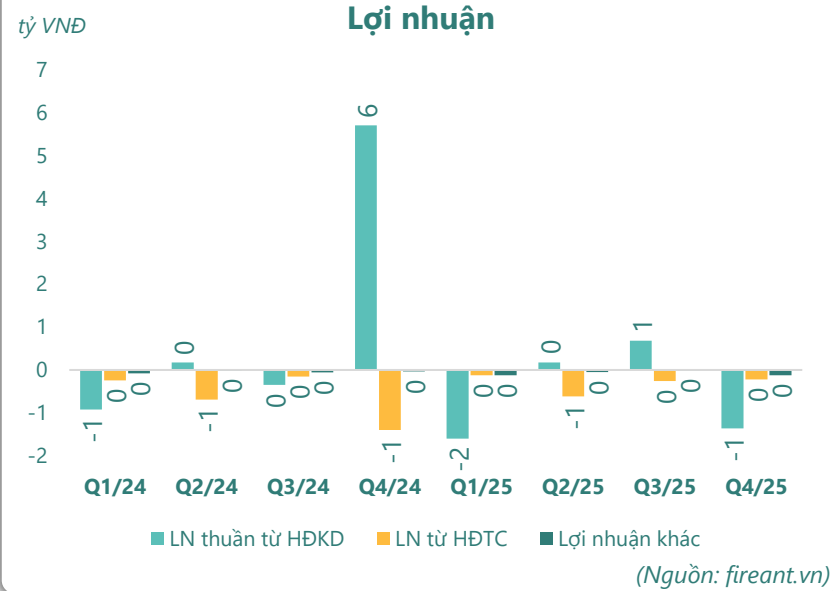
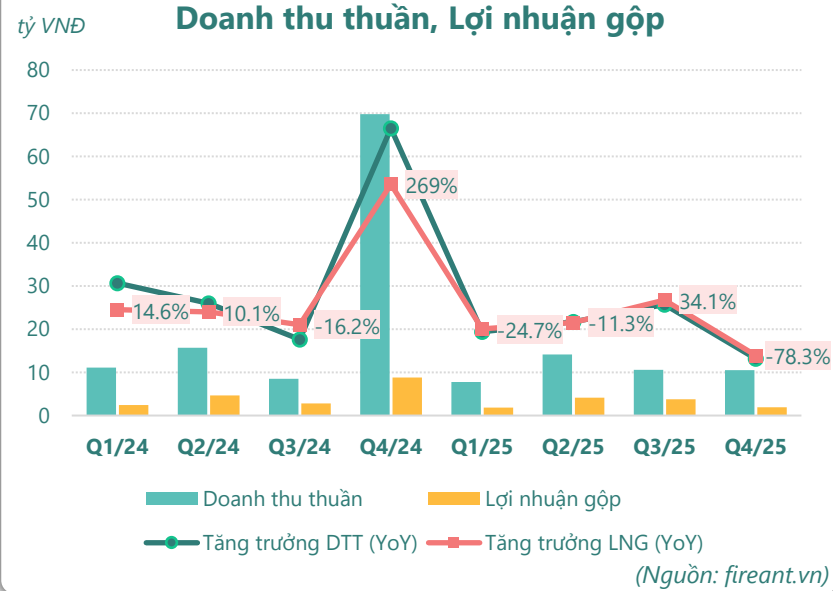
DT thuần 2025
43.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.40 -5.4%

LN thuần 2025
-2.10
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.48 -649%

LN sau thuế 2025
-2.41
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.69 -964%



KẾT QUẢ KINH DOANH

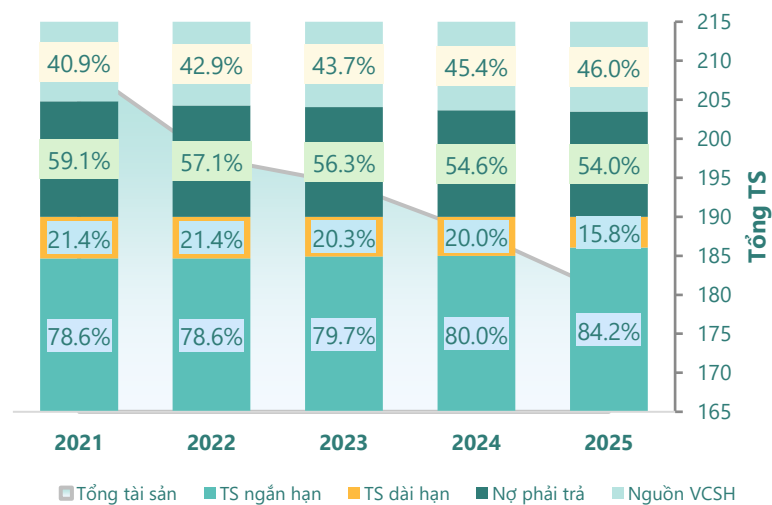




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

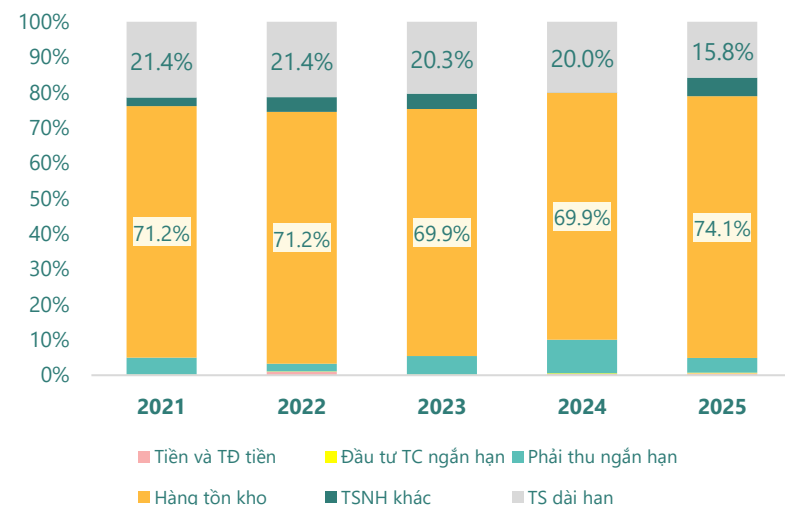
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

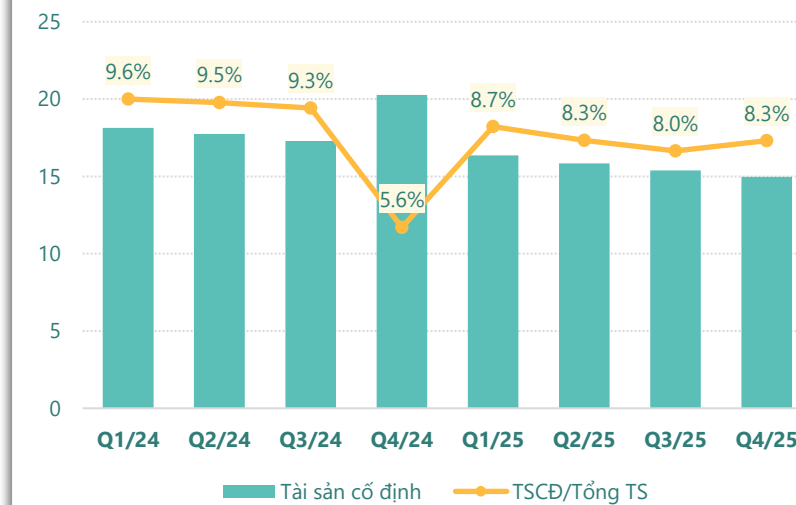
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

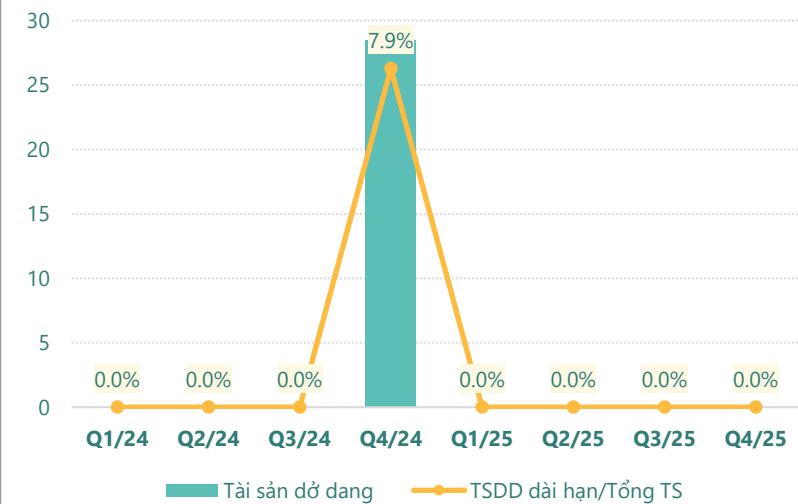
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

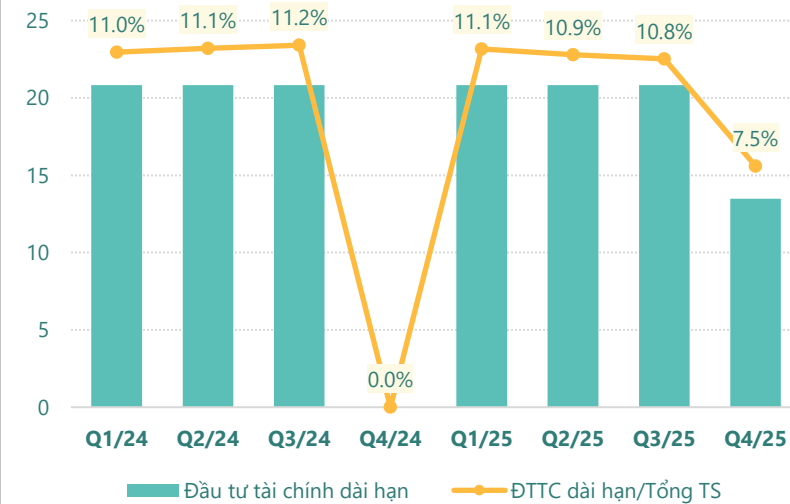
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

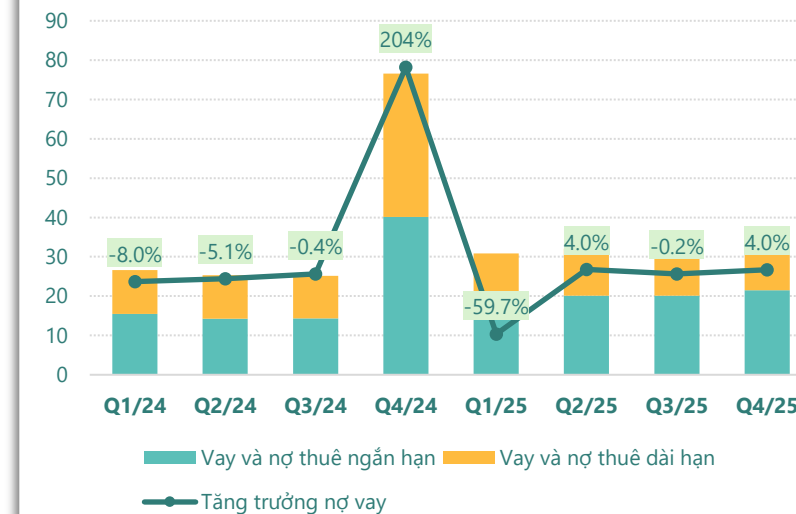
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

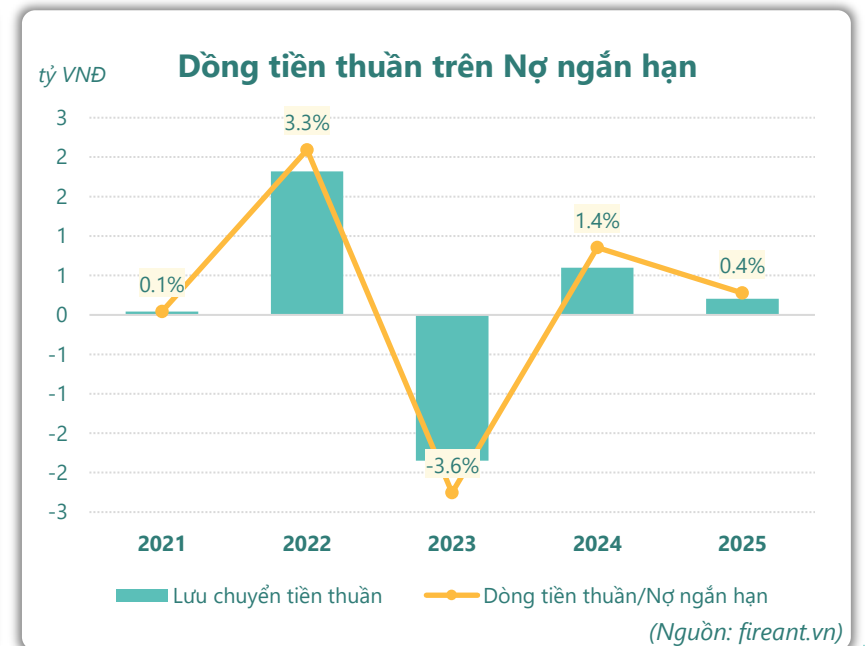
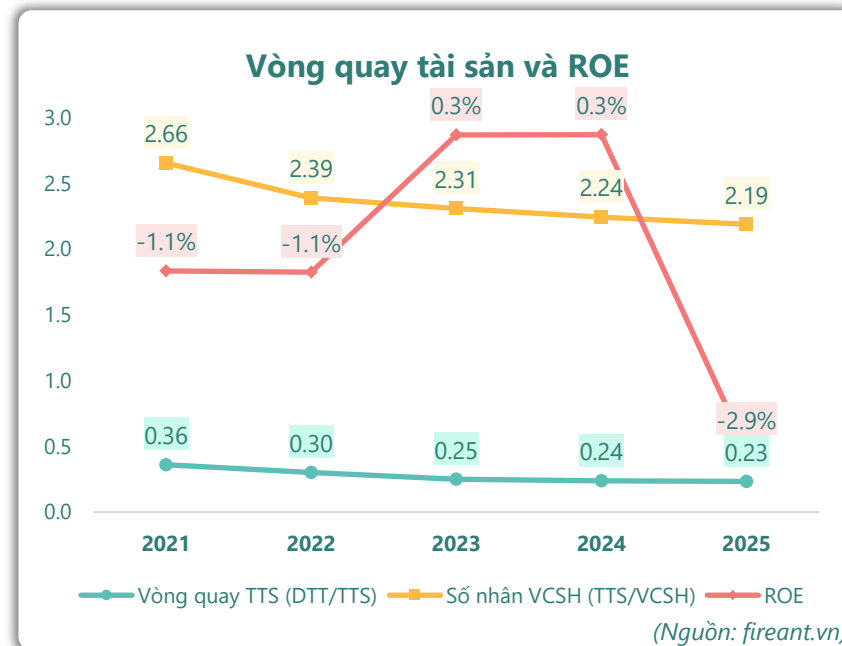
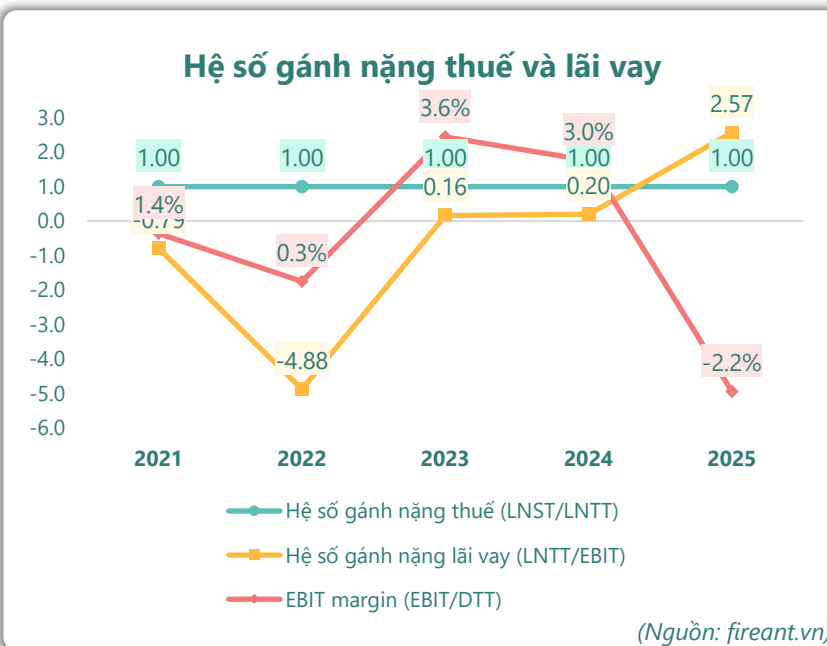
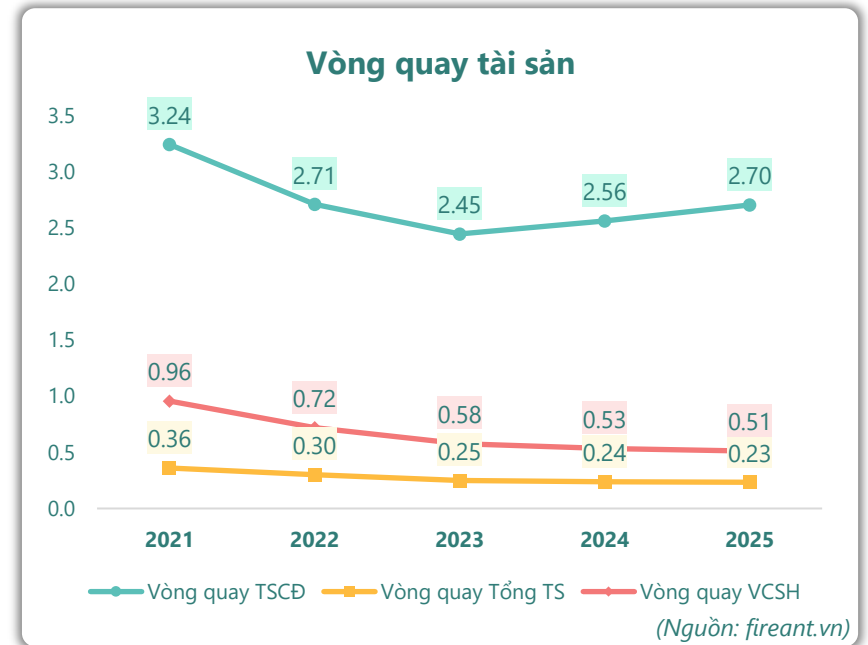
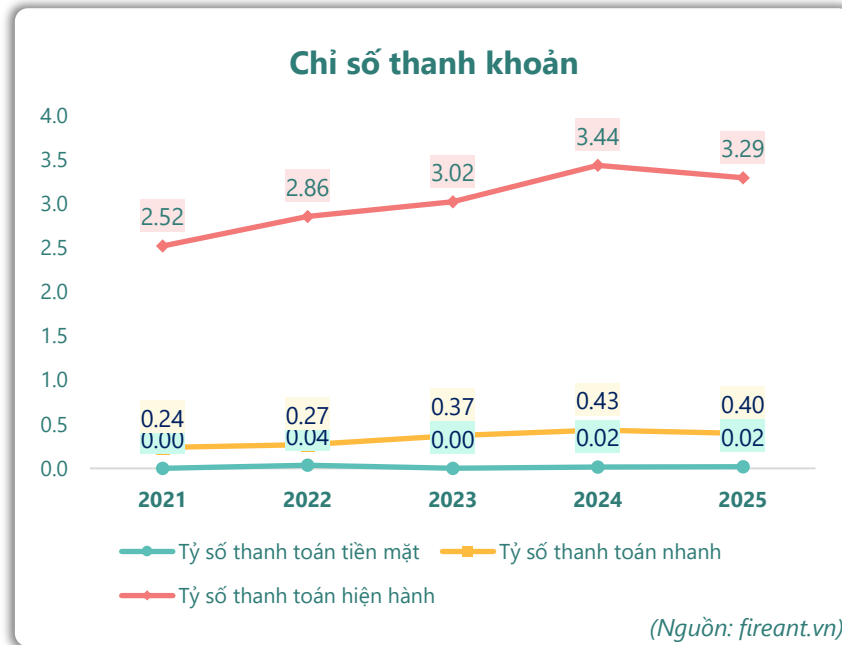
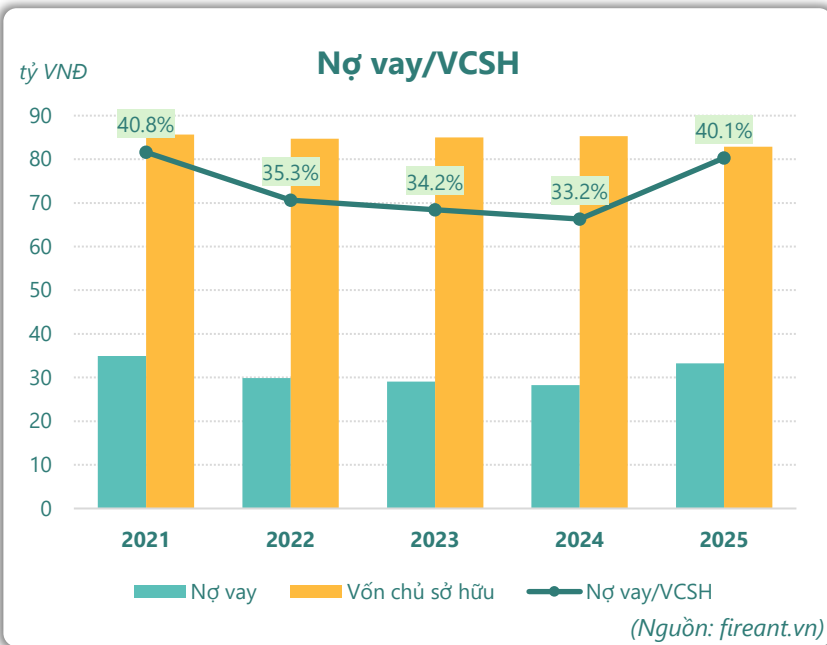
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	10.5	69.8	-84.9%	43.0	45.4	-5.4%
Giá vốn hàng bán	8.64	61.0	-85.8%	31.4	34.5	-8.9%
Lợi nhuận gộp	1.91	8.79	-78.3%	11.6	11.0	5.5%
Doanh thu HĐTC	0.05	0.17	-69.6%	0.27	0.26	6.0%
Chi phí TC	0.28	1.57	-82.4%	1.50	1.74	-14.0%
Chi phí lãi vay	0.30	1.57	-80.6%	1.47	1.10	33.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.77	0.18	326%	2.69	3.07	-12.3%
Chi phí QLDN	2.28	1.50	52.0%	9.78	6.05	61.7%
LN thuần từ HĐKD	-1.36	5.71	-124%	-2.10	0.38	-649%
Lợi nhuận khác	-0.12	-0.04	-202%	-0.31	-0.10	-193%
LN trước thuế	-1.48	5.67	-126%	-2.41	0.28	-964%
Lợi nhuận sau thuế	-1.48	5.50	-127%	-2.41	0.28	-964%
LNST của CĐ cty mẹ	-1.48	5.41	-127%	-2.41	0.28	-964%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.00	0	-2.21	-1.92	0.01	-0.46
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.05	0	-0.12	-0.01	0.04	-0.07
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.06	0	2.62	1.12	-0.06	1.26
Tiền đầu kỳ	0.20	0	0.67	0.97	0.20	0.18
Lưu chuyển tiền thuần	-0.11	0	0.30	-0.81	-0.02	0.73
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.04	0.00	-0.01
Tiền cuối kỳ	0.10	0	0.97	0.20	0.18	0.90

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	180	188	-4.1%
Tài sản ngắn hạn	152	150	1.0%
Tiền và tương đương tiền	0.90	0.67	34.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.32	0.27	21.2%
Phải thu ngắn hạn	7.56	18.0	-58.0%
Hàng tồn kho	133	131	1.7%
Tài sản ngắn hạn khác	9.50	0.08	12549%
Tài sản dài hạn	28.5	37.6	-24.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	15.0	16.8	-11.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	13.5	20.8	-35.2%
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	97.3	103	-5.2%
Nợ ngắn hạn	46.1	43.7	5.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	21.5	16.2	32.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	9.54	12.9	-26.2%
Nợ dài hạn	51.3	58.9	-12.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	11.8	12.1	-2.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	82.9	85.3	-2.8%
Vốn chủ sở hữu	82.9	85.3	-2.8%
Vốn điều lệ	128	128	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

